

Số: 2457 /BGDDĐT-GDDH
V/v hướng dẫn tuyển sinh đại học,
tuyển sinh cao đẳng

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2025

Kính gửi:

- Các đại học, học viện, trường đại học;
- Các trường sĩ quan có đào tạo trình độ đại học;
- Các trường cao đẳng;
- Các sở giáo dục và đào tạo.

Thực hiện Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành Kế hoạch tuyển sinh năm 2025. Để thực hiện thống nhất, Bộ GDĐT đề nghị thí sinh, các sở giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có tuyển sinh đại học và cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và các trường cao đẳng tự nguyện tham gia hệ thống xét tuyển chung (sau đây gọi chung là CSĐT) thực hiện các quy định tại các văn bản này và các hướng dẫn cụ thể dưới đây.

I. Đối với thí sinh

1. Tất cả thí sinh (bao gồm cả thí sinh được xét tuyển thẳng) phải thực hiện đăng ký xét tuyển (ĐKXT) trực tuyến, đưa tất cả nguyện vọng xét tuyển (NVXT) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT (sau đây gọi tắt là Hệ thống) trực tiếp tại địa chỉ <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> hoặc gián tiếp thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nội dung và thời gian thực hiện theo quy định tại điểm 6 mục này). Thí sinh cần tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh, quy chế tuyển sinh của các CSĐT, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo không đủ điều kiện. Trường hợp CSĐT có tổ chức các hình thức đăng ký xét tuyển riêng, nộp hồ sơ và các minh chứng trực tiếp hoặc trực tuyến tại CSĐT, thí sinh thực hiện theo quy định của CSĐT nhưng vẫn phải đăng ký trên Hệ thống để được xét tuyển chung với tất cả thí sinh khác.

2. Thí sinh khai báo chính xác và chịu trách nhiệm thông tin (các mốc thời gian theo hướng dẫn), bao gồm cả các thông tin để hưởng ưu tiên khu vực, đối tượng ưu tiên (nếu có) tại thời điểm đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2025 (gửi kèm minh chứng đối tượng ưu tiên nếu có hướng dẫn tại phụ lục IX). Thông tin kê khai phải trung thực và chính xác. Thông tin nơi thường trú của thí sinh ở các giai đoạn sẽ được các cơ quan chức năng kiểm tra và xác thực trên cơ sở dữ liệu về dân cư.

3. Thí sinh ĐKXT theo phương thức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, trước 17 giờ 00 ngày 30/6/2025, nộp Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo mẫu (Phụ lục IV, V) về các CSĐT

theo hướng dẫn của CSĐT. Thí sinh trúng tuyển thẳng sẽ nhận thông tin trúng tuyển từ các CSĐT trước ngày 15/7/2025 và phải tiếp tục phải đăng ký NVXT trên Hệ thống theo lịch chung.

4. Theo hướng dẫn của sở giáo dục và đào tạo, thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để rà soát kết quả điểm học tập (học bạ) cấp THPT trên Hệ thống và phải phản ánh lại với thầy, cô có trách nhiệm nơi thí sinh học cấp THPT để sửa sai (nếu có) hoàn thành trước 17 giờ 00 ngày 6/6/2025.

5. Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, trung cấp (thí sinh tự do) có nhu cầu ĐKXT nhưng chưa thực hiện việc đăng ký thông tin cá nhân trên Hệ thống phải thực hiện việc đăng ký để được cấp tài khoản sử dụng cho việc đăng ký NVXT từ ngày 10/7 đến ngày 20/7/2025, cụ thể như sau:

- Tải mẫu phiếu đăng ký thông tin cá nhân (Phụ lục VI) và điền thông tin trên phiếu;

- Nộp phiếu tại điểm tiếp nhận (theo quy định và hướng dẫn của sở giáo dục và đào tạo nơi thí sinh thường trú) để nhận thông tin tài khoản và nhập thông tin cá nhân lên Hệ thống, phục vụ công tác tuyển sinh.

6. Đăng ký nguyện vọng và nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống:

a) Từ ngày 16/7 đến 17 giờ 00 ngày 28/7/2025, thí sinh đăng ký, điều chỉnh, bổ sung NVXT không giới hạn số lần:

- Thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để xử lý thông tin (nhập, sửa, xem) thông tin của thí sinh trên Hệ thống;

- Việc đăng ký NVXT đối với các ngành/chương trình phải thực hiện theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia (Nội dung hướng dẫn đăng tải tại Hệ thống hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia);

- Các nguyện vọng của thí sinh ĐKXT vào tất cả các CSĐT đăng ký theo ngành/chương trình và được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất), đồng thời thí sinh phải cung cấp các dữ liệu (theo tiêu chí, điều kiện, quy trình đăng ký được quy định tại thông tin tuyển sinh của các CSĐT) tương ứng với ngành/chương trình mà thí sinh đã ĐKXT để các CSĐT sử dụng xét tuyển (*Hướng dẫn chi tiết các bước đăng ký được đăng tải ngay trên Hệ thống thí sinh sẽ truy cập vào để đăng ký*);

- Tất cả các NVXT của thí sinh vào CSĐT sẽ được xử lý nguyện vọng trên Hệ thống và mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng đã đăng ký khi bảo đảm điều kiện trúng tuyển.

b) Từ ngày 29/7 đến 17 giờ 00 ngày 5/8/2025

Thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng NVXT bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;

c) Các thí sinh thuộc diện hưởng chính sách ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng phải phối hợp với các điểm tiếp nhận rà soát thông tin khu vực (Phụ lục VII) và đối tượng ưu tiên của thí sinh (nếu có).

Thí sinh tìm hiểu kỹ tài liệu hướng dẫn và phải thực hiện đúng, đủ, hết quy trình đăng ký xét tuyển; thí sinh chưa rõ các nội dung khai báo, nộp lệ phí xét tuyển, có thể liên hệ với cán bộ tại các điểm tiếp nhận hoặc cán bộ của CSĐT trực các số điện thoại hỗ trợ công tác tuyển sinh để được hướng dẫn.

7. Xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống: Trước 17 giờ 00 ngày 30/8/2025 tất cả thí sinh trúng tuyển (kể cả thí sinh trúng tuyển thẳng) phải xác nhận nhập học trên Hệ thống (nếu có nguyện vọng theo học).

8. Từ ngày 1/9/2025 đến tháng 12/2025, thí sinh có nhu cầu xét tuyển các đợt bổ sung của CSĐT, thực hiện theo thông tin tuyển sinh được đăng tải trên trang thông tin tuyển sinh của CSĐT (nếu CSĐT xét tuyển bổ sung, thí sinh đã trúng tuyển và đã xác nhận nhập học không được xét tuyển bổ sung, trừ các trường hợp được thủ trưởng CSĐT cho phép không nhập học).

9. Thí sinh nộp hồ sơ minh chứng xét tuyển tại CSĐT (theo hướng dẫn của CSĐT). Thí sinh xét tuyển có môn năng khiếu, sử dụng điểm năng khiếu của CSĐT khác để xét tuyển, phải liên hệ với CSĐT để đăng ký dự thi, dự thi, hoặc nộp điểm thi năng khiếu.

II. Đối với các sở giáo dục và đào tạo

1. Cử cán bộ, chuyên viên có kinh nghiệm thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên, thông tin của học sinh phục vụ công tác thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh đại học (ĐH), cao đẳng (CĐ) và tuyển sinh đầu cấp tại các trường dân tộc nội trú năm 2025 theo Công văn số 1158/BGDĐT-GDĐH ngày 19/3/2025.

2. Hướng dẫn thí sinh thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và các nội dung tại mục I nêu trên; Hoàn thành tổ chức tập huấn công tác tuyển sinh tại địa phương ngày 30/6/2025.

3. Chỉ đạo các trường THPT là các điểm tiếp nhận sử dụng tài khoản và mật khẩu đã được cấp trong quá trình tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT để:

- Thực hiện công việc theo Kế hoạch chung, kiểm tra, chỉnh sửa sai sót (nếu có, thông báo cho thí sinh biết), xác nhận thông tin khu vực ưu tiên (Phụ lục II, VII) và đối tượng ưu tiên của thí sinh cùng thời điểm thí sinh đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT (*Bộ GDĐT đã phối hợp với Bộ Công an triển khai kết nối thông suốt và hoàn tất việc tích hợp chức năng khai thác dữ liệu dân cư trên Hệ thống Quản lý Thi và Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung. Các điểm tiếp nhận hồ sơ của thí sinh sẽ sử dụng chức năng này để tra cứu, khai thác thông tin này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đối chiếu, xác nhận cho thí sinh, thí sinh không phải tự đi*

xin xác nhận (bản giấy) như mọi năm);

- Trách nhiệm của cán bộ hướng dẫn tại điểm tiếp nhận khi xác nhận thông tin khu vực, đối tượng ưu tiên của thí sinh phải bảo đảm tính trung thực và chính xác. Thông tin về các giai đoạn nơi thường trú của thí sinh sẽ được các cơ quan chức năng kiểm tra và xác thực trên cơ sở dữ liệu về dân cư. Hoàn thành việc kiểm tra, rà soát, cập nhật và xác nhận kết quả học tập cấp THPT trên Hệ thống trước 17 giờ ngày 6/6/2025;

- Từ ngày 10/7 đến ngày 20/7/2025, hoàn thành hướng dẫn và nhập thông tin cá nhân của thí sinh (đã tốt nghiệp THPT từ các năm trước) chưa thực hiện việc đăng ký trên Hệ thống, cấp tài khoản sử dụng cho thí sinh để thí sinh đăng ký NVXT.

4. Chỉ đạo các trường THPT mở các phòng máy tính có nối mạng internet để thí sinh sử dụng thực hiện đăng ký NVXT. Tổ chức hỗ trợ việc đăng ký nguyện vọng cho những thí sinh không có điều kiện đăng ký trực tuyến (*lưu ý chỉ hướng dẫn, hỗ trợ thí sinh đăng ký xét tuyển, tuyệt đối không giữ tài khoản, mật khẩu và không làm thay thí sinh*).

5. Hướng dẫn, hỗ trợ thí sinh nộp lệ phí ĐKXT trực tuyến theo điểm 7 mục I công văn này.

6. Thành lập Ban chỉ đạo công tác hỗ trợ tuyển sinh theo kế hoạch chung; kinh phí thực hiện chi từ lệ phí tuyển sinh thực hiện theo quy chế phối hợp giữa các sở giáo dục và đào tạo với các CSĐT.

7. Hướng dẫn các thí sinh phúc khảo các bài thi/môn thi điều chỉnh NVXT (nếu có nhu cầu) ngay sau khi có kết quả phúc khảo thi tốt nghiệp THPT và hoàn thành trước ngày 5/8/2025.

8. Từ ngày 16/7/2025 đến ngày 15/8/2025 cử cán bộ có kinh nghiệm về công tác tuyển sinh để trực, tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thí sinh trong công tác tuyển sinh.

9. Ban hành văn bản hướng dẫn học sinh tại địa phương việc lựa chọn môn học, ôn thi và đăng ký môn thi tốt nghiệp Kỳ thi tốt nghiệp THPT phù hợp với tổ hợp xét tuyển của các CSĐT (từ năm 2026¹).

III. Đối với các cơ sở đào tạo

1. Ban hành thông tin tuyển sinh, quy chế tuyển sinh của CSĐT theo quy định (quy chế thi và Đề án tổ chức thi riêng với các CSĐT tổ chức thi); Mỗi CSĐT được gán 01 mã số và cấp một tài khoản (tên truy cập và mật khẩu) để sử dụng trong công tác tuyển sinh. Các CSĐT khi đăng nhập Hệ thống phải cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin của CSĐT; chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu, thông tin đưa lên Hệ thống. Quy định cụ thể các điều kiện tuyển sinh đối với các thí sinh tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và trước năm 2025.

¹ Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

2. Thông tin tuyển sinh của CSĐT phải cung cấp đầy đủ, đúng cấu trúc, định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, *trong đó cần đặc biệt lưu ý một số quy định đã điều chỉnh tại Quy chế tuyển sinh: mã trường trong tuyển sinh, mã xét tuyển, việc quy đổi tương đương, đối với quy tắc quy đổi tương đương, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào; các thông tin liên quan đến các điều kiện bảo đảm chất lượng được kết nối đến địa chỉ công khai... các chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo đã được ban hành, tiêu chí phụ xét tuyển vào các ngành đào tạo (đặc biệt các ngành đào tạo giáo viên).*

- Thông tin cần dễ hiểu, rõ ràng để thí sinh không nhầm lẫn giữa tên các CSĐT; tuyển sinh vào phân hiệu của CSĐT với CSĐT; giữa các chương trình đào tạo của CSĐT; triển khai áp dụng quy định về điểm ưu tiên khu vực, đối tượng cho tất cả phương thức xét tuyển theo đúng quy định của Quy chế tuyển sinh. (không được quy định, thông báo hoặc yêu cầu thí sinh phải đăng ký nguyện vọng 1 trên Hệ thống mới được xét tuyển (trừ trường hợp thí sinh đăng ký vào các CSĐT thuộc khối Công an, Quân đội);

- Đảm bảo tuyệt đối chính xác, thống nhất các thông tin tuyển sinh khai báo trong Hệ thống với các thông tin trong thông tin tuyển sinh (như mã CSĐT, mã xét tuyển (chương trình/ngành/nhóm ngành, phương thức xét tuyển², tổ hợp, chỉ tiêu xét tuyển và tiêu chí phụ,...). Việc để sai sót trong khâu này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của thí sinh, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tuyển sinh của hệ thống. CSĐT chịu trách nhiệm giải trình về các nội dung của thông tin tuyển sinh với Bộ GDĐT, cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan theo quy định và theo yêu cầu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng, tính đầy đủ, chính xác của các nội dung trong thông tin tuyển sinh. Thông tin tuyển sinh của CSĐT phải đăng trên trang thông tin điện tử của CSĐT (tại trang chủ);

- Trước và trong thời gian tuyển sinh tiếp tục rà soát lại thông tin tuyển sinh bao gồm: chỉ tiêu, ngành, phương thức, tổ hợp xét tuyển; bài thi/môn thi được nhận hệ số khi xét tuyển, quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển, tiêu chí phụ, môn năng khiếu, điểm xét tuyển môn năng khiếu (nếu có), phương thức xét tuyển; các phương thức, điều kiện xét tuyển bổ sung (nếu có)...

- Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung nội dung thông tin tuyển sinh trong thời gian quy định, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn và việc điều chỉnh phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các thí sinh đã đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào CSĐT (ví dụ: *CSĐT mở thêm ngành và điều chỉnh chỉ tiêu cho*

² CSĐT có thể tự quy định mã phương thức xét tuyển và thông báo cho thí sinh biết, tuy nhiên cần phải tham chiếu đến danh mục mã các phương thức xét tuyển do Bộ GDĐT quy định (Phụ lục I).

ngành mới mở; lượng thí sinh đăng ký thấp hơn chỉ tiêu dự kiến một số ngành nên cần điều chỉnh chỉ tiêu dự cho các ngành gần trong nhóm ngành; điều chỉnh để thống nhất thông tin khai báo trên Hệ thống nghiệp vụ với báo cáo xác định chỉ tiêu và thông tin tuyển sinh đã công khai trên trang thông tin điện tử của CSĐT...);

- Cập nhật các nội dung thay đổi trong thông tin tuyển sinh lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để báo cáo và phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra;

- Các CSĐT điều chỉnh và công khai trên trang thông tin điện tử của CSĐT và cập nhật vào Hệ thống mức điểm tương đương nhận hồ sơ đăng ký NVXT đối với các tổ hợp xét tuyển khác nhau, sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT và các điều kiện khác không trái với Quy chế tuyển sinh.

3. Cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu trên hệ thống HEMIS (phục vụ công tác xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025), công bố công khai minh bạch điều kiện đảm bảo chất lượng trong việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, các điều kiện sơ tuyển, điều kiện xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng, chính sách ưu tiên của CSĐT gắn với yêu cầu của ngành đào tạo.

Đối với các ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, CSĐT sử dụng kết quả điểm thi THPT để xét tuyển phải cập nhật ngưỡng đầu vào trước 17 giờ 00 ngày 23/7/2025; rà soát và cập nhật chính xác chỉ tiêu sư phạm đã được Bộ GDĐT thông báo lên Hệ thống báo cáo xác định chỉ tiêu và trang Nghiệp vụ; đồng thời đồng bộ thông tin tuyển sinh tại Cổng thông tin tuyển sinh, đảm bảo các thông tin thống nhất và chính xác.

4. Công tác xét tuyển: Cơ sở đào tạo tổ chức thi công bố phổ điểm chi tiết làm căn cứ cho việc xác định quy tắc quy đổi tương đương với kết quả thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT.

a) Chỉ tổ chức xét tuyển đối với các ngành đủ điều kiện đào tạo theo quy định. Đối với các ngành buộc phải dùng tuyển sinh, cần phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của CSĐT. Khi thông tin về CMND/CCCD/Mã định danh giữa Hệ thống và thí sinh khai báo tại CSĐT không thống nhất, CSĐT lấy theo số CMND/CCCD/Mã định danh trên Hệ thống và sử dụng trong suốt quá trình ĐKXT, xử lý nguyện vọng và nhập học. Số CMND/CCCD đúng sẽ được cập nhật sau khi thí sinh nhập học vào CSĐT.

b) Đối với phương thức xét tuyển thẳng, CSĐT quy định cụ thể các ngành học phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải. Thông báo cho thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển để thí sinh có đủ thông tin và chủ động trong việc đăng ký NVXT trên Hệ thống; Tất cả các thí sinh trúng tuyển thẳng phải được đưa lên Hệ thống để xử lý nguyện vọng theo lịch chung.

c) Trong đợt 1, các CSĐT có thủ tục sơ tuyển, kết quả kỳ thi độc lập, bổ trợ, đánh giá năng lực, đánh giá tư duy, đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-

SAT), chứng chỉ ngoại ngữ³... (nếu có) hoặc các hình thức khác để kết hợp với việc sử dụng kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển phải hoàn thành việc cập nhật kết quả vào Hệ thống trước 17 giờ 00 ngày 28/7/2025.

d) Bộ GD&ĐT hỗ trợ kỹ thuật cho các CSĐT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung (trang Nghiệp vụ) về: thông tin tuyển sinh, nguyện vọng ĐKXT của thí sinh, điểm thi tốt nghiệp THPT, điểm xét tốt nghiệp, điểm thi đánh giá năng lực, tư duy, V-SAT (nếu có), điểm kết quả học tập cấp THPT (Đối với các thí sinh đang học lớp 12 năm 2025), các minh chứng về ưu tiên và phần mềm xét tuyển (*các CSĐT phải cập nhật đúng phiên bản phần mềm xét tuyển*),... để giúp các CSĐT thực hiện tuyển sinh thuận lợi.

- CSĐT cần lưu ý: Hệ thống xử lý nguyện vọng xét tuyển chỉ làm nhiệm vụ lọc bỏ những thí sinh đã trúng tuyển nguyện vọng cao hơn vào CSĐT khác ra khỏi danh sách trúng tuyển dự kiến mà CSĐT gửi lên Hệ thống, không có chức năng điều chỉnh chỉ tiêu, điểm chuẩn mà CSĐT đã xác định; Hệ thống không xét tuyển thay cho các CSĐT;

- Các CSĐT sẽ nhận được đầy đủ thông tin ưu tiên của thí sinh sau khi thí sinh ĐKXT trên hệ thống. Các CSĐT tổ chức xét tuyển không được đặt ra những yêu cầu gây phiền hà cho thí sinh trái với quy định của Chính phủ về bãi bỏ yêu cầu nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, giấy xác nhận thông tin về cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính;

- Các CSĐT phải triệt để tuân thủ và thống nhất thực hiện quy định về danh sách trúng tuyển. Danh sách thí sinh trúng tuyển chính thức vào CSĐT là Danh sách thí sinh được Hệ thống xử lý nguyện vọng xét tuyển gửi lại CSĐT (trên cơ sở danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển do CSĐT tải lên Hệ thống) sau khi xử lý nguyện vọng lần cuối cùng vào ngày 20/8/2025. Các CSĐT tuyệt đối không được điều chỉnh Danh sách trúng tuyển chính thức này;

đ) Thí sinh chỉ ĐKXT theo ngành. Vì vậy, các CSĐT có sử dụng nhiều phương thức, tổ hợp để xét tuyển thì phần mềm phải xét tuyển tất cả các phương thức, tổ hợp xét tuyển cho thí sinh (nếu thí sinh đáp ứng các quy định) theo đúng thông tin tuyển sinh đã công bố.

5. Các CSĐT sử dụng đồng thời nhiều tổ hợp, phương thức, chứng chỉ ngoại ngữ cho một ngành hoặc nhóm ngành để xét tuyển (sau đây gọi chung là ngành):

a) Phải xác định và công bố công khai quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT (Phụ lục III).

³ Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ được dùng để miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông hiện hành, cơ sở đào tạo được quy đổi thành điểm môn ngoại ngữ để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển với trọng số tính điểm xét không vượt quá 50%;

b) Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ được dùng để miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành, cơ sở đào tạo được quy đổi thành điểm môn ngoại ngữ để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển với trọng số tính điểm xét không vượt quá 50%; việc quy đổi phải bảo đảm các mức độ năng lực ngoại ngữ khác nhau có mức điểm quy đổi khác nhau.

c) Yêu cầu đối với việc xây dựng phương thức xét tuyển (tổ hợp, bài thi độc lập): Các tổ hợp môn hoặc bài thi đánh giá độc lập dùng để xét tuyển phải được xây dựng một cách khoa học, thực tiễn và đảm bảo lựa chọn được thí sinh có kiến thức nền tảng cùng năng lực cốt lõi phù hợp với chương trình đào tạo, trong đó cần đáp ứng một số yêu cầu cụ thể như sau:

- Trường hợp chương trình đào tạo đại học, cao đẳng yêu cầu kiến thức nền tảng ở một môn học nhất định, thì CSĐT cần phải quy định ngưỡng đầu vào đối với môn học đó để bảo đảm thí sinh đã được học môn học đó ở THPT. Ví dụ, chương trình đào tạo ngành Y khoa có yêu cầu kiến thức nền tảng là môn Sinh học thì cần quy định điều kiện về điểm môn Sinh học ở THPT hoặc thi tốt nghiệp THPT.

- CSĐT phải quy định tỷ lệ điểm tối thiểu của phần nội dung cốt lõi (liên quan đến ngành học) mà thí sinh cần đạt trong tổng điểm bài thi. Ví dụ, khi xét tuyển ngành Toán học bằng bài thi đánh giá độc lập, CSĐT cần quy định rõ tỷ lệ điểm phần Toán học trong bài thi.

- *Trường hợp ngoại lệ:* Các yêu cầu trên có thể không áp dụng cho các ngành đào tạo ngôn ngữ mà người học bắt đầu từ trình độ cơ bản (ví dụ, học Ngôn ngữ Pháp từ đầu). Tương tự, các ngành như Sư phạm Công nghệ hay Sư phạm Tin học cũng có thể có những điều chỉnh phù hợp.

d) Đối với các thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (hoặc các dữ liệu khác) theo quy định để xét tuyển vào CSĐT và đã dự thi môn ngoại ngữ để xét tốt nghiệp, CSĐT sử dụng chứng chỉ thí sinh đã khai báo trên Hệ thống để xét tuyển hoặc hướng dẫn thí sinh nộp chứng chỉ ngoại ngữ (hoặc các dữ liệu khác) về CSĐT kéo dài đến ngày 28/7/2025 để làm căn cứ xét tuyển.

6. Các CSĐT phải bố trí bộ phận thường trực gồm các cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm trong công tác tuyển sinh, nắm vững quy chế để giải đáp các thắc mắc liên quan đến công tác tuyển sinh của CSĐT và chế độ ưu tiên trong tuyển sinh. Tạo điều kiện hỗ trợ thí sinh được sử dụng các phòng máy tính nối mạng internet của CSĐT để thực hiện việc đăng ký NVXT (nếu thí sinh có nhu cầu).

7. Mức điểm cộng, điểm ưu tiên

Điểm cộng tối đa 10% theo thang điểm xét và được cộng trước khi cộng điểm ưu tiên (ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng). Mức điểm ưu tiên (ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng) để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ theo đúng quy định tại Điều 7 của Quy chế tuyển sinh. Trường hợp xét tuyển theo thang điểm khác thang điểm 30, CSĐT phải xác định mức điểm ưu tiên tương ứng như thang

điểm 30 theo quy định tại Điều 7 của Quy chế tuyển sinh. CSĐT quy định các tiêu chí phụ đối với thí sinh có năng lực vượt trội (nếu có) phải đảm bảo điểm trúng tuyển không lớn hơn điểm tối đa bao gồm cả điểm ưu tiên, điểm cộng (nếu có).

8. Từ ngày 6/8/2025 đến 17 giờ 00 ngày 12/8/2025, CSĐT phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát dữ liệu trên Hệ thống trước khi tải dữ liệu, thông tin xét tuyển.

Từ ngày 13/8/2025 đến 17 giờ 00 ngày 20/8/2025 theo các mốc thời gian (Phụ lục VIII), CSĐT tải dữ liệu, thông tin xét tuyển trên Hệ thống, tổ chức xét tuyển nguyện vọng của thí sinh đã đăng ký vào CSĐT tương ứng dữ liệu thí sinh cung cấp phục vụ xét tuyển vào ngành/chương, xử lý NVXT trên Hệ thống để xác định nguyện vọng cao nhất trong số NVXT mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển.

9. Các CSĐT phải quy định tất cả các thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên Hệ thống, trước khi nhập học tại CSĐT.

- Đối với thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét tuyển thẳng (Điều 8 của Quy chế tuyển sinh), CSĐT hướng dẫn thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống trong thời gian quy định;

- Trên cơ sở số thí sinh xác nhận nhập học, CSĐT tổ chức xét tuyển các đợt tiếp theo (nếu có) và cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học theo quy định;

- Các CSĐT công bố điểm trúng tuyển phải kèm theo việc công bố thang điểm xét tuyển và công bố thông tin tiêu chí phụ (nếu có). Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển, nhập học các đợt, phương thức xét tuyển, các hình thức đào tạo theo đúng cấu trúc dữ liệu, đúng quy định trong các danh mục về tuyển sinh (trường phổ thông, xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn...) và đúng thời gian quy định;

- Các CSĐT không được yêu cầu thí sinh xác nhận nhập học hoặc nhập học trước ngày 22/8/2025 và không được kết thúc xác nhận nhập học hoặc kết thúc nhập học trước 17 giờ 00 ngày 30/8/2025 (kể cả đối với các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài).

10. Các CSĐT, nhóm CSĐT lưu ý bảo mật thông tin trong suốt quá trình xét tuyển, xử lý nguyện vọng; lưu ý chuẩn bị cấu hình máy tính đủ mạnh để phục vụ công tác xét tuyển, xử lý nguyện vọng (đặc biệt các trường có số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển lớn).

Các CSĐT phải có biện pháp kiểm soát các điều kiện sơ tuyển, điều kiện phụ trong tuyển sinh, không để xảy ra tình trạng thí sinh đã trúng tuyển nhưng bị loại khi nhập học do: không đủ điều kiện sơ tuyển, điều kiện phụ, điều kiện sức khỏe, không đảm bảo yêu cầu về lý lịch để học tập; chủ động giải quyết và phối hợp với các CSĐT liên quan để giải quyết quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

Các CSĐT tự chủ trong công tác tuyển sinh và phải chịu trách nhiệm trong

việc xác định chỉ tiêu, xác định điểm trúng tuyển vào các ngành/nhóm ngành đào tạo của CSĐT; nếu CSĐT xác định danh sách trúng tuyển dự kiến không sát với thực tế dẫn đến tuyển vượt chỉ tiêu theo quy định thì CSĐT và cá nhân liên quan hoàn toàn chịu trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo Điều 27 của Quy chế tuyển sinh hiện hành. Những CSĐT tuyển không đủ chỉ tiêu trong đợt 1 có thể tiếp tục xét tuyển các đợt bổ sung.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo kịp thời về Bộ GDĐT:

- Qua Vụ Giáo dục Đại học qua email: hotroxettuyencdspdvh@moet.gov.vn và các số điện thoại: 024.32181385; 024.32181386; 024.32293009; 024.38692392 để được giải đáp và hướng dẫn;

- Qua Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục Thường xuyên theo email: hdngoc@moet.gov.vn, nnsn@moet.gov.vn và các số điện thoại: (024) 39740333, 0938798668, 0966238383, để được giải đáp các nội dung liên quan đối với các trường cao đẳng (tự nguyện tham gia Hệ thống).

Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện theo hướng dẫn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp c/đ);
- Công TTĐT của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, GDĐH.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Hoàng Minh Sơn



PHỤ LỤC I

DANH MỤC MÃ SỐ CÁC PHƯƠNG THỨC, TỔ HỢP XÉT TUYỂN

theo Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Mã phương thức xét tuyển

Mã phương thức xét tuyển gồm 3 ký tự do CSĐT tự định nghĩa nhưng phải tham chiếu với mã phương thức xét tuyển do Bộ GDĐT quy định (trong trang Nghiệp vụ), hoặc có thể sử dụng mã phương thức xét tuyển do Bộ GDĐT quy định như dưới đây.

TT	Mã	Tên phương thức xét tuyển
1	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT
2	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)
3	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)
4	401	Thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do CSĐT tự tổ chức để xét tuyển
5	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy... do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển
6	403	Thi văn hóa do CSĐT tổ chức để xét tuyển
7	404	Sử dụng kết quả thi văn hóa do CSĐT khác tổ chức để xét tuyển
8	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển
9	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển
10	407	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển
11	409	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển
12	410	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển
13	411	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài
14	413	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với phỏng vấn để xét tuyển
15	414	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với phỏng vấn để xét tuyển
16	415	Sử dụng chứng chỉ quốc tế SAT hoặc chứng chỉ quốc tế khác đủ điều kiện để xét tuyển
17	416	Kỳ thi V-SAT
18	417	Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển
19	500	Sử dụng phương thức khác

2. Mã tổ hợp xét tuyển

- Đối với phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập cấp THPT (có sử dụng mã tổ hợp như xét tuyển theo phương thức sử dụng kết quả thi THPT) sử dụng Mã tổ hợp xét tuyển do Bộ GDĐT quy định¹ các CSĐT tải Mã tổ hợp xét tuyển trên Trang nghiệp vụ; đối với các tổ hợp có môn năng khiếu, các môn năng khiếu NK1, NK2 là do CSĐT quy định.

- Đối với các phương thức xét tuyển khác: Mã tổ hợp gồm 3 ký tự do CSĐT tự quy định.

¹ Bộ GDĐT đã bổ sung danh sách các mã tổ hợp phù hợp với các môn học theo chương trình phổ thông 2018 để các CSĐT thống nhất sử dụng (CSĐT tải danh sách các mã tổ hợp trên trang Nghiệp vụ).

PHỤ LỤC II

CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH

(Kèm theo Công văn số 2457 /BGDDT-GDDH ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Các văn bản quy định về khu vực ưu tiên

- Theo Quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020: "Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo khi được cấp có thẩm quyền công nhận lên phường, thị trấn hoặc đạt chuẩn nông thôn mới trong năm thì được tiếp tục hỗ trợ đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đến hết năm; từ năm tiếp theo các xã này không còn trong danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TT ngày 25/01/2017". Các xã trên sẽ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực đến hết năm ban hành quyết định phê duyệt (trừ trường hợp được hưởng ưu tiên tại các văn bản khác).

- Đối với các đơn vị hành chính cấp xã sau khi sắp xếp, sáp nhập, đổi tên thì chế độ ưu tiên khu vực được thực hiện như hướng dẫn tại Mục 2 Công văn số 389/UBNDT-CSDT ngày 30/3/2020 hướng dẫn thực hiện chính sách dân tộc, trong đó có việc quy định các xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135; các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp, sáp nhập, đổi tên.

- Đối các xã an toàn khu:

+ Xã an toàn khu không vào diện đầu tư của Chương trình 135 thì không được hưởng chế độ chính sách về ưu tiên khu vực;

+ Các xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 nhưng có quyết định ra khỏi diện đầu tư Chương trình 135 thì không được hưởng chính sách ưu tiên về khu vực kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt;

+ Các xã an toàn khu khi có quyết định vào diện đầu tư của Chương trình 135 thì được hưởng chính sách ưu tiên về khu vực kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt.

2. Ưu tiên khu vực đối với thí sinh học tại các cơ sở giáo dục THPT và tương đương có sự thay đổi chế độ ưu tiên

Đối với các cơ sở giáo dục THPT do thay đổi địa giới hành chính, chuyển địa điểm hoặc thay đổi cấp hành chính, chính sách dẫn đến thay đổi mức ưu tiên khu vực thì mỗi giai đoạn hưởng mức ưu tiên khác nhau, cơ sở giáo dục sẽ được gán một mã cơ sở giáo dục khác nhau cùng với một mức ưu tiên khu vực phù hợp. Thí sinh căn cứ thời gian học tập tại cơ sở giáo dục THPT chọn và điền đúng mã cơ sở giáo dục theo các giai đoạn để được hưởng đúng mức ưu tiên theo khu vực (Ví dụ: Trường THPT Nguyễn Đình Liễn từ năm 2013 về trước đóng trên địa bàn Xã Cẩm Huy, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh thuộc KV2-NT, từ năm 2014 trường chuyển đến địa bàn Xã Cẩm Dương, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh thuộc KV1. Vậy Trường này sẽ được gán 2 mã khác nhau: Mã 068 - gán cho Trường trong thời gian từ năm 2013 về trước; Mã 053 - gán cho Trường trong thời gian từ năm 2014 đến nay. Nếu thí sinh học tại Trường này từ năm 2013 đến năm 2015, lớp 10 sẽ khai mã trường là 068, lớp 11 và lớp 12 khai mã trường là 053).

3. Hồ sơ để được hưởng ưu tiên theo đối tượng

- Thí sinh khai báo trên Hệ thống thời gian thường trú trên 18 tháng ở khu vực 1 hoặc, và thường trú trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn trong thời gian học THPT hoặc trung cấp (Danh mục các xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn do Bộ GDĐT quy định).
- Tải các minh chứng để được hưởng ưu tiên theo quy định tại Phụ lục IX lên Hệ thống.
- Thí sinh xuất trình bản chính của các giấy tờ nói trên để các CSĐT đối chiếu khi làm thủ tục nhập học.
- Các điểm tiếp nhận xác thực khu vực ưu tiên, đối tượng ưu tiên cho thí sinh trên hệ thống.
- Các CSĐT tải các minh chứng về ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng trên Hệ thống để kiểm tra, rà soát và lưu trữ theo quy định.

4. Xác định mức điểm ưu tiên

- Các quy định “điểm xét tốt nghiệp” trong quy chế được hiểu là một điều kiện (ngưỡng đảm bảo chất lượng) để thí sinh đăng ký tuyển sinh vào các CSĐT đối với ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, CSĐT không được sử dụng để làm căn cứ xét tuyển trực tiếp (Quy chế thi tốt nghiệp THPT quy định “điểm xét tốt nghiệp” đã bao gồm cả điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng, mức ưu tiên không giống với mức ưu tiên trong Quy chế tuyển sinh). Để tránh việc thí sinh cộng điểm ưu tiên 2 lần, nếu CSĐT sử dụng “điểm xét tốt nghiệp” để xét tuyển, thì phải trừ đi điểm ưu tiên đã được cộng vào trong “điểm xét tốt nghiệp” sau đó mới cộng thêm ưu tiên theo quy định của Quy chế tuyển sinh để xét tuyển.

5. Quy trình khai báo và xác nhận thông tin để thí sinh được hưởng ưu tiên khu vực, đối tượng theo nơi thường trú

Để thí sinh được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú, thí sinh và điểm tiếp nhận cần đăng nhập vào Hệ thống tại địa chỉ: <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> theo tài khoản và mật khẩu đã được cấp, điền thông tin tại *Mục 5: Nơi thường trú* như sau:

- Mã tỉnh/thành phố, mã huyện/quận và mã xã/phường chỉ đối với các xã/phường thuộc Khu vực 1 sẽ do Bộ GDĐT quy định². Thí sinh cần tra cứu tại nơi đăng ký dự thi để ghi đúng mã tỉnh/thành phố, mã huyện/quận, mã xã/phường nơi thí sinh có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp vào các ô tương ứng ở bên phải. Thí sinh không có nơi thường trú tại xã Khu vực 1 thì bỏ trống ô mã xã. Sau khi điền đủ các mã đơn vị hành chính vào các ô, thí sinh ghi rõ tên xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố vào dòng trống.

(i) Thí sinh có nơi thường trú trên 18 tháng ở khu vực 1 (xã khó khăn hoặc xã đặc biệt khó khăn) trong thời gian học THPT hoặc trung cấp thì tích vào ô: *"Nơi thường trú trên 18 tháng ở khu vực 1"*.

(ii) Thí sinh có nơi thường trú trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn) trong thời gian học THPT hoặc trung cấp thì tích vào ô: *"Nơi thường trú trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn"*.

(iii) Thí sinh đáp ứng cả 2 điều kiện tại mục i) và ii) thì tích cả vào 2 ô.

² Trong Danh mục các xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn

- Đối với thí sinh thuộc diện ưu tiên đối tượng hoặc khu vực có liên quan đến nơi thường trú, phải khai thời gian có nơi thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1 (xã khó khăn hoặc xã đặc biệt khó khăn) hoặc trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn trong thời gian học THPT hoặc trung cấp (ví dụ: 28 tháng, từ ngày 01/01/2021 đến ngày 01/05/2024).

Điểm tiếp nhận căn cứ thông tin khai thác dữ liệu chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGvDC) về thời gian thường trú của thí sinh và thông tin thí sinh khai báo tại mục 5 về nơi thường trú để thực hiện kiểm tra, đối chiếu và xác nhận về diện ưu tiên theo nơi thường trú cho thí sinh:

- Mã xã khó khăn hoặc xã đặc biệt khó khăn;
- Nơi thường trú trên 18 tháng ở khu vực 1 hoặc/ và Nơi thường trú trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn;
- Thời gian, khoảng thời gian thí sinh thường trú trên 18 tháng (tối thiểu trên 18 tháng mới được xét).

Điểm tiếp nhận hồ sơ/Cơ sở giáo dục đại học có thể tra cứu thông tin công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGvDC) thông qua tiện ích được cung cấp trên Hệ thống Quản lý thi. Cụ thể như sau:

- Điểm tiếp nhận hồ sơ/cơ sở giáo dục đại học phân công kiểm tra, xác minh về diện khu vực ưu tiên của thí sinh (gọi tắt là người sử dụng) mở hồ sơ của thí sinh cần kiểm tra trên Hệ thống Quản lý thi. Việc khai thác xác thực dữ liệu từ CSDLQGvDC tương đương với việc kiểm tra trực tiếp văn bản xác nhận bằng giấy như các năm trước.

- Điểm tiếp nhận cần xác nhận kết quả kiểm tra cho thí sinh sau khi đã tra cứu, đối chiếu thông tin lịch sử thường trú được cung cấp bởi CSDLQGvDC (thể hiện dưới dạng Phiếu khai thác thông tin về cư trú). Hệ thống cho phép người sử dụng có thể tải phiếu về lưu dưới dạng file PDF và in phiếu để lưu hồ sơ.

- Trường hợp phát hiện có sai sót về thông tin lịch sử thường trú được cung cấp bởi CSDLQGvDC hoặc thông tin cung cấp chưa đủ để xác nhận, Điểm tiếp nhận liên hệ công an địa phương để được hỗ trợ giải quyết.

- Người dùng thuộc cơ sở giáo dục đại học, nơi tiếp nhận thí sinh đăng ký xét tuyển được xem, kiểm tra minh chứng ưu tiên của thí sinh, đồng thời được quyền tra cứu thông tin công dân từ CSDLQGvDC để kiểm tra lại.

5. Quy trình khai báo và xác nhận thông tin để thí sinh được hưởng ưu tiên theo đối tượng

i) Với đối tượng 01, thí sinh và điểm tiếp nhận cần thực hiện các bước như mục II.1 đồng thời:

- Thí sinh phải tải lên Hệ thống các file minh chứng được quy định tại Phụ lục IX: "Các minh chứng để được hưởng ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng trong tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng".

- Điểm tiếp nhận, tải các file minh chứng kèm theo để kiểm tra, nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định thì xác nhận đối tượng ưu tiên cho thí sinh, nếu không đúng thì từ chối xác nhận và thông báo cho thí sinh biết.

ii) Với các đối tượng từ 02-07

- Thí sinh tải lên Hệ thống các file minh chứng được quy định tại Phụ lục IX: "Các minh chứng để được hưởng ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng trong tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng".

- Điểm tiếp nhận, tải các file minh chứng kèm theo để kiểm tra, nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định thì xác nhận đối tượng ưu tiên cho thí sinh, nếu không đúng thì từ chối xác nhận và thông báo cho thí sinh biết.

- Người dùng thuộc cơ sở giáo dục đại học, nơi tiếp nhận thí sinh đăng ký xét tuyển được xem, kiểm tra minh chứng ưu tiên của thí sinh.

PHỤ LỤC III

HƯỚNG DẪN QUY ĐỔI TƯƠNG ĐƯƠNG ĐIỂM TRÚNG TUYỂN VÀ NGƯỠNG ĐẦU VÀO GIỮA CÁC PHƯƠNG THỨC, TỔ HỢP XÉT TUYỂN (Kèm theo Công văn số:2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn xây dựng quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển, ngưỡng đầu vào giữa các phương thức xét tuyển (PTXT), tổ hợp xét tuyển (THXT) khi cơ sở đào tạo (CSĐT) sử dụng đồng thời nhiều PTXT, THXT cho một ngành/nhóm ngành đào tạo như sau:

I. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG QUY TẮC QUY ĐỔI

Các CSĐT khi xây dựng quy tắc quy đổi tương đương cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. *Bảo đảm tính tương đương (điểm c Khoản 1, Điều 1, Thông tư 06)*: Quy tắc quy đổi phải bảo đảm điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo tương ứng.

2. *Dựa trên yêu cầu đầu vào thực chất*: Quy tắc quy đổi tương đương phải gắn với yêu cầu cụ thể của ngành/chương trình đào tạo. Các tiêu chí chính dùng để xét tuyển trong mỗi PTXT phải tập trung đánh giá kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà ngành học yêu cầu.

3. *Công bằng, minh bạch, công khai, và thống nhất*: Quy tắc quy đổi tương đương phải được xây dựng một cách khách quan; được công bố trong thông tin tuyển sinh và đăng công khai trên cổng thông tin điện tử của CSĐT theo quy định, áp dụng thống nhất cho tất cả thí sinh dự tuyển vào cùng một ngành/chương trình đào tạo; bảo đảm tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm trúng tuyển tương đương, không phụ thuộc vào thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

4. *Bảo đảm tính khoa học và thực tiễn*: Quy tắc quy đổi phải được xây dựng dựa trên căn cứ khoa học và thực tiễn; CSĐT có trách nhiệm giải trình với các bên liên quan về các căn cứ này.

5. *Đơn giản, dễ hiểu*: Quy tắc quy đổi tương đương cần được thiết kế rõ ràng, dễ hiểu để thí sinh và xã hội có thể nắm bắt và giám sát, tránh các công thức phức tạp hoặc không rõ cách tính dẫn đến hiểu nhầm.

II. KHUNG QUY ĐỔI TƯƠNG ĐƯƠNG

1. Khung quy đổi giữa các loại điểm thi

Khung quy đổi đưa ra các khoảng điểm của các *bài thi riêng* (APT, HSA, TSA..) và khoảng điểm các *tổ hợp môn thi tốt nghiệp THPT* phù hợp theo phương pháp bách phân vị³ trên cơ sở phân tích kết quả thi của ***những thí sinh có cả điểm bài thi riêng và điểm tổ hợp môn thi tốt nghiệp tương ứng*** của năm 2025. Các khoảng điểm được xếp

³ Theo phân tích của Tổ chuyên gia tư vấn kỹ thuật thành lập theo Quyết định số 1104/QĐ-BGDĐT, phương pháp bách phân vị được khuyến nghị sử dụng trong trường hợp quy đổi điểm giữa các bài thi đảm bảo thứ hạng thí sinh, tính công bằng, minh bạch và ổn định theo các đợt thi, các năm tuyển sinh. “*Phương pháp bách phân vị (Percentile Equating): Phương pháp này dựa trên phân bố điểm của 2 kỳ thi, xác định điểm ở cùng phân vị (percentile) để chuyển đổi. Theo cách này, bách phân vị quy đổi điểm thành các mức phân vị, giúp chỉ ra vị trí của thí sinh trong tổng thể điểm của nhóm. Phân vị được sử dụng để so sánh thí sinh trong mối quan hệ với những thí sinh khác tham gia kỳ thi. Phương pháp quy đổi này chuyển đổi điểm thành phân vị, tức là xếp điểm số của một thí sinh vào một phân vị cụ thể theo phân phối điểm thi*”.

tương ứng với tốp 0,5%, 1%, 3%, 5%, 10%... như trong (Bảng 1).

Bảng 1. Khung quy đổi điểm trúng tuyển theo các bài thi riêng về điểm trúng tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT

TỐP	Điểm bài thi X (APT, HSA...)	Điểm các tổ hợp môn thi tốt nghiệp THPT phù hợp			
		A00	B00	D00	...
3	X0	A0	B0	D0	
0,5%	X1	A1	B1	D1	
1%	X2	A2	B2	D2	
2%	X3	A3	B3	D3	
5%	X4	A4	B4	D4	
10%	X5	A5	B5	D5	
20%	X6	A6	B6	D6	
30%	X7	A7	B7	D7	
50%	X8	A8	B8	D8	
...	...	...	...	...	

Ghi chú: Các mức điểm ở dòng đầu (X0, A0, B0, D0...) được tính bằng trung bình cộng của 3 thí sinh có điểm cao nhất tương ứng với mỗi bài thi, tổ hợp môn thi.

Trách nhiệm của các CSĐT tổ chức kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi độc lập:

- Xác định những tổ hợp môn thi tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm của bài thi riêng do CSĐT tổ chức và khuyến cáo các CSĐT khác có thể sử dụng, trong đó làm rõ tổ hợp nào phù hợp nhất.

- Công bố bách phân vị của kết quả bài thi riêng năm 2025 (X0, X1... trong Bảng 1) trước ngày 31/5/2025; chậm nhất 30/6/2025 đối với các bài thi có kết quả công bố sau 31/05/2025.

- Phối hợp với Bộ GDĐT để phân tích kết quả thi tốt nghiệp THPT của các thí sinh đã có kết quả bài thi riêng, trên cơ sở đó công bố các khoảng điểm của các tổ hợp môn thi phù hợp (A0, A1..., B0, B1... trong Bảng 1), chậm nhất 3 ngày sau khi công bố kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

Trên cơ sở các số liệu này, điểm trúng tuyển và ngưỡng đầu vào của từng ngành, nhóm ngành cụ thể sẽ được quy đổi tuyển tính trong từng khoảng điểm. Ví dụ, điểm trúng tuyển theo tổ hợp A00 (T_A00) nằm trong khoảng A2 - A3 sẽ được quy đổi tương đương sang điểm trúng tuyển theo điểm thi HSA (T_HSA) theo công thức:

$$T_HSA = HSA3 + (T_A00 - A3) \times (HSA2 - HSA3) / (A2 - A3)$$

2. Khung quy đổi giữa các tổ hợp sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT

Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung duy trì hình thức nhập điểm chênh giữa THXT gốc và các THXT khác cho một ngành của các CSĐT như các năm trước. Việc xác định mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp thông dụng sẽ dựa trên đối sánh phổ điểm do Bộ GDĐT công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo từng khoảng điểm trúng tuyển.

3. Khung quy đổi điểm trúng tuyển từ kết quả học tập THPT (điểm học bạ)

Điểm học bạ ở THPT không phản ánh kết quả đánh giá trên một thang đánh giá thống nhất toàn quốc, vì vậy việc xây dựng một khung quy đổi chung không có ý nghĩa.

Tuy nhiên, Bộ GDĐT sẽ công bố các số liệu thống kê về tương quan giữa điểm các môn thi tốt nghiệp THPT với điểm trung bình các môn học ở THPT, trên cơ sở đó các CSĐT xác định quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển, ngưỡng đầu vào.

III. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG KHUNG QUY ĐỔI

Căn cứ các nguyên tắc và khung quy đổi hướng dẫn trên đây, các CSĐT xây dựng các bảng quy đổi và công thức quy đổi cho từng chương trình, ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo, cụ thể như sau:

1. Lựa chọn các bài thi, tổ hợp môn thi phù hợp với các phương thức xét tuyển của chương trình, ngành, nhóm ngành, lĩnh vực đào tạo. Đối với mỗi bài thi riêng được sử dụng, cần lập một bảng riêng. Mỗi bảng quy đổi chỉ nên dùng 01 tổ hợp môn phù hợp nhất (quy đổi các tổ hợp khác dựa trên chênh lệch điểm).

2. Có thể chia các khoảng điểm chi tiết hơn, hoặc điều chỉnh các khoảng điểm trong khung quy đổi ở Bảng 1 cho phù hợp với yêu cầu của từng chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo.

3. Xây dựng các bảng quy đổi và công thức cho điểm trúng tuyển theo các bài thi không do các CSĐT trong nước tổ chức (ví dụ SAT, ACT..) theo phương pháp phù hợp, khuyến cáo sử dụng phương pháp bách phân vị.

Các căn cứ cụ thể để các CSĐT thực hiện:

- Phân tích các dữ liệu thống kê (dữ liệu tuyển sinh các năm trước, kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển từ các phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển khác nhau, phổ điểm các kỳ thi...);

- Xem xét bản chất, độ khó, thang điểm, phổ điểm và đặc điểm nhóm thí sinh của từng phương thức xét tuyển, kết quả điểm kỳ thi, tổ hợp xét tuyển khi xây dựng bảng quy đổi, công thức quy đổi.

PHỤ LỤC IV
PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2025
(Kèm theo Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2025

(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng theo quy định tại
khoản 1, 2 và điểm a khoản 5 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh)

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày tháng năm

3. Số CMND/CCCD (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**.....

5. Nơi sinh (tỉnh, thành phố):

6. Năm tốt nghiệp THPT

7. Năm đoạt giải:.....

8. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương

Môn đoạt giải

Loại giải, loại huy chương

9. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm môn:

10. Đăng ký xét tuyển thăng hoặc ưu tiên xét tuyển thăng vào CSĐT/ngành học:

(thí sinh có thể chọn (ghi rõ) phương thức XTT, UTXT hoặc cả 2 phương thức vào các dòng tương ứng tại các cột Xét tuyển thăng, Ưu tiên xét tuyển)

Số TT	Mã CSĐT (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành	Xét tuyển thăng	Ưu tiên xét tuyển
1					
2					
3					
4					
5					
...					
...					

12. Địa chỉ báo tin:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trường THPT
.....đã khai đúng sự
thật.

Ngày tháng năm 2025
Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm 2025
Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC V
PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2025
(Kèm theo Công văn số:2457/BGDĐT-GDĐH ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2025
(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng theo quy định tại
điểm b, c, khoản 4 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh)

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày tháng năm

3. Số CMND/CCCD (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**.....

5. Hộ khẩu thường trú (Ghi rõ xã, huyện, tỉnh).....

6. Dân tộc:

7. Nơi học THPT hoặc tương đương:

- Năm lớp 10:

- Năm lớp 11:

- Năm lớp 12:

8. Năm tốt nghiệp THPT:.....

9. Học lực: Năm lớp 10:; Năm lớp 11:; Năm lớp 12:

10. Đăng ký xét tuyển thăng vào CSĐT/ngành học:

Số TT	Mã CSĐT (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			

11. Địa chỉ báo tin:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 Trường THPT..... đã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2025

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2025

Chữ ký của thí sinh

PHỤ LỤC VI

(Kèm theo Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN CÁ NHÂN

SỐ GDĐT.....MÃ SỐ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN CÁ NHÂN ĐỐI TƯỢNG THÍ SINH ĐÃ TỐT NGHIỆP THPT, TRUNG CAP

Số phiếu:.....

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....
Giới tính (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu) Ngày Tháng Năm

3. a) Nơi sinh (tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương; sau đây viết tắt là tỉnh/thành phố):.....

b)

Dân tộc (Ghi bằng chữ):.....

c) Quốc tịch nước ngoài

☐

4. CMND/CCCD (Ghi mỗi chữ số vào một ô)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

5. Nơi thường trú:

Mã tỉnh/thành phố Mã huyện (quận) Mã xã (phường)

Ghi rõ tên tỉnh/thành phố, huyện (quận), xã (phường) vào dòng trống sau:.....

Nơi thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1:

☐

Nơi thường trú trên 18 tháng tại xã đặc biệt khó khăn:

☐

6. Nơi học THPT hoặc tương đương (Ghi tên trường và nơi trường đóng: huyện (quận), tỉnh/thành phố và ghi mã tỉnh, mã trường):

Năm lớp 10.....

Năm lớp 11.....

Năm lớp 12.....

Tên lớp 12:.....

Mã Tỉnh Mã Trường

7. Điện thoại Email:

8. Họ tên, điện thoại và địa chỉ người liên hệ:.....

CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu ĐKDT này là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

Ngày tháng năm 2025

Chữ ký của thí sinh

Ảnh
4x6

Xác nhận người khai Phiếu này đang cư trú ở

xã, phường.....

huyện.....

tỉnh.....

Ngày tháng năm 2025

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC VII

(Kèm theo Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

QUY ĐỊNH KHU VỰC ƯU TIÊN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC; TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2025

1. Quy định về Khu vực tuyển sinh:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 7 (theo Phụ lục I) của Quy chế tuyển sinh ĐH; CĐ ngành Giáo dục Mầm non hiện hành, các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.

- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).

- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

2. Theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, các xã thuộc khu vực ưu tiên bao gồm: *"Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ."* (Khoản 1, Điều 7 (theo Phụ lục I của Quy chế)) và *"...các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ"* (Điểm c, khoản 1, Điều 7)

3. Các văn bản làm căn cứ để xác định khu vực ưu tiên

3.1. Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi được quy định tại:

1. Quyết định 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc, về việc Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

2. Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công nhận bổ sung thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

3. Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

4. Quyết định 73/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc về việc điều chỉnh khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi. Quyết định này thay thế nội dung các xã tương ứng trong quyết định 447/QĐ-UBND.

5. Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

6. Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

7. Công văn số 389/UBND-CSĐT ngày 30/3/2020 hướng dẫn thực hiện chính sách dân tộc, trong đó có việc quy định các xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135; các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp, sáp nhập, đổi tên.

8. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II và khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc và thiểu số giai đoạn 2021-2025.

9. Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

10. Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 Ủy ban Dân tộc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025⁴.

3.2. Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được quy định tại:

1. Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 1/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015.

2. Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 13/04/2015, của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Định

3. Quyết định số 2311/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Kiên Giang.

4. Quyết định số 2312/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa.

5. Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Thuận.

6. Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 13/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Trà Vinh.

7. Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng.

8. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

9. Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc thành phố Hải Phòng.

10. Quyết định 596/QĐ-TTg ngày 28/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của

⁴ Việc áp dụng các chế độ, chính sách đối với các thôn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung của Quyết định này thực hiện theo quy định Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

11. Quyết định số 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung xã Vĩnh Hải, huyện Hải Ninh, tỉnh Ninh Thuận vào sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

12. Quyết định số 1464/QĐ-TTg ngày 24/08/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Quảng Nam.

13. Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

3.3. Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã An toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 được quy định tại:

1. Quyết định 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.

2. Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013.

3. Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015.

4. Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015.

5. Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016.

6. Quyết định 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016.

7. Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 19/04/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm.

8. Quyết định 900/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020.

9. Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 – 2021.

10. Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Bình.

11. Quyết định 2475/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Lạng Sơn.

12. Quyết định 235/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Sóc Trăng.

13. Quyết định 1614/QĐ-TTg ngày 22/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Thuận.

14- Quyết định 164/QĐ-TTg ngày 07/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Công nhận các xã An toàn khu tại tỉnh Quảng Nam.

15. Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ xã ATK, vùng ATK trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

16. Quyết định số 164/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK thuộc tỉnh Kiên Giang.

17. Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 24/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK thuộc tỉnh Sóc Trăng.

18. Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 13/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK, vùng ATK trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Và các quyết định, văn bản khác liên quan đến khu vực ưu tiên nhưng không trái với quy định của Quy chế tuyên sinh hiện hành. Trong trường hợp này, đề nghị các sở GDĐT báo cáo về Vụ GDĐH để xem xét và cập nhật vào Hệ thống.

PHỤ LỤC VIII

TỔ CHỨC XÉT TUYỂN, XỬ LÝ NVXT TRÊN HỆ THỐNG

(Kèm theo Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Các mốc thời gian	Nội dung	Chủ trì thực hiện	Phối hợp thực hiện
1	Từ 7 giờ ngày 13/8 đến 17 giờ ngày 15/8	Rà soát CSDL trên Hệ thống	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL ⁵	CSĐT
2	Từ 7 giờ đến 16 giờ 30 ngày 16/8	Tải CSDL trên Hệ thống và tổ chức xét tuyển	CSĐT	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL
3	Từ 7 giờ đến 11 giờ 30 ngày 17/8	Tải kết quả xét tuyển lần 1 của CSĐT lên Hệ thống (kết quả xét tuyển của tất cả các phương thức tuyển sinh của CSĐT)	CSĐT	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL
4	13 giờ ngày 17/8	Trả kết quả xử lý nguyện vọng lần 1	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL	CSĐT
5	13 giờ ngày 17/8	Tải về kết quả xử lý nguyện vọng lần 1	CSĐT	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL
6	Từ 7 giờ đến 11 giờ 30 ngày 18/8	Tải lên Hệ thống kết quả xét tuyển lần 2	CSĐT	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL
7	13 giờ ngày 18/8	Trả kết quả xử lý nguyện vọng lần 2	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL	CSĐT
8	13 giờ ngày 18/8	Tải về kết quả xử lý nguyện vọng lần 2	CSĐT	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL

⁵ Vụ Giáo dục Đại học (GDĐH); Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên (GDNNTX); Cục Khoa học, Công nghệ thông tin (KHCNTT); Cục Quản lý chất lượng (QLCL)

9	16 giờ 30 ngày 18/8	Tải lên Hệ thống kết quả xét tuyển lần 3	CSĐT	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL
10	16 giờ 30 ngày 18/8	Trả kết quả xử lý nguyện vọng lần 3	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL	CSĐT
11	7 giờ 00 ngày 19/8	Tải về kết quả xử lý nguyện vọng lần 3	CSĐT	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL
12	11 giờ 30 ngày 19/8	Tải lên Hệ thống kết quả xét tuyển lần 4	CSĐT	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL
13	13 giờ ngày 19/8	Trả kết quả xử lý nguyện vọng lần 4	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL	CSĐT
14	13 giờ ngày 19/8	Tải về kết quả xử lý nguyện vọng lần 4	CSĐT	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL
15	16 giờ 30 ngày 19/8	Tải lên Hệ thống kết quả xét tuyển lần 5	CSĐT	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL
16	16 giờ 30 ngày 19/8	Trả kết quả xử lý nguyện vọng lần 5	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL	CSĐT
17	7 giờ ngày 20/8	Tải về kết quả xử lý nguyện vọng lần 5	CSĐT	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL
18	11 giờ 30 ngày 20/8	Tải lên Hệ thống kết quả xét tuyển lần 6	CSĐT	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL
19	13 giờ 30 ngày 20/8	Trả kết quả xử lý nguyện vọng lần 6	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL	CSĐT
20	16 giờ 30 ngày 20/8	Tải về kết quả xử lý nguyện vọng lần 6	CSĐT	Vụ GDĐH Cục GDNNTX

				Cục KHCNTT Cục QLCL
21	17 giờ ngày 20/8/2025	Các CSĐT nhập mức điểm trúng tuyển và kết quả xét tuyển lên hệ thống. Rà soát và chuẩn bị công bố kết quả trúng tuyển đợt 1 theo lịch chung.	CSĐT	Vụ GDĐH Cục GDNNTX Cục KHCNTT Cục QLCL

PHỤ LỤC IX
CÁC MINH CHỨNG ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU TIÊN KHU VỰC, ƯU TIÊN ĐỐI
TƯỢNG TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC; TUYỂN SINH CAO ĐẲNG⁶
(Kèm theo Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
I	Ưu tiên khu vực	
I.1	Theo khu vực của trường phổ thông	Thí sinh khai báo năm học lớp 10, 11, 12 trên Hệ thống => Hệ thống tự tính
I.2	Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn. (Điểm c, khoản 1, Điều 7 Quy chế tuyển sinh hiện hành).	- Khai báo thời gian trên Hệ thống và - Thông tin đồng bộ dữ liệu Bộ Công an của thí sinh có nơi thường trú trên 18 tháng (tính đến ngày thi đầu tiên của kỳ thi tốt nghiệp THPT) tại khu vực 1 trong thời gian học THPT hoặc trung cấp.
II	Ưu tiên đối tượng (Phụ lục Quy chế tuyển sinh hiện hành)	
II.1	Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.	- Giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có thẩm quyền, và - Thông tin đồng bộ dữ liệu Bộ Công an của thí sinh có nơi thường trú trên 18 tháng (tính đến ngày thi đầu tiên của kỳ thi tốt nghiệp THPT) tại khu vực 1 trong thời gian học THPT hoặc trung cấp.
II.2	Đối tượng 02: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.	- Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc, và - Bằng khen hoặc Quyết định công nhận là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

⁶ Các minh chứng khác nếu đúng với quy định của pháp luật

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
II.3	Đối tượng 03: a) Thương binh, bệnh binh, người có Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.	a) Giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh; Giấy chứng nhận hưởng chính sách như thương binh. b), c) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học từ cấp Trung đoàn (hoặc tương đương trở lên) trở lên hoặc bản sao Lệnh gọi nhập ngũ hoặc Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận. d) Quyết định xuất ngũ.
II.4	Đối tượng 04: a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;	a) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy báo tử hoặc Bản sao Bằng “Tổ quốc ghi công”; Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định 131/2021/NĐ-CP); Quyết định cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và trợ cấp tiền tuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nếu có). b) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; hoặc Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh có tỉ lệ mất sức lao động 81% trở lên do Phòng Lao động thương binh xã hội cấp. c) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.	bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp. d) Giấy khai sinh của thí sinh, và Quyết định công nhận Anh hùng lực lượng vũ trang hoặc Quyết định công nhận Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến. đ) Giấy khai sinh của thí sinh, và Quyết định trợ cấp hàng tháng (do sở LĐ TBXH cấp) của con người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học.
II.5	Đối tượng 05: a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.	a) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học. b) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học từ cấp Trung đoàn (hoặc tương đương trở lên) trở lên hoặc bản sao Lệnh gọi nhập ngũ hoặc Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận. c) Văn bản bổ nhiệm và Quyết định xuất ngũ.
II.6	Đối tượng 06: a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;	a) Giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có thẩm quyền. b) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận bệnh binh do cơ quan có thẩm

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.	quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp. c) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.
II.7	Đối tượng 07: a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hiện hành; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Được đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.	a) Giấy xác nhận "Khuyết tật nặng" của UBND xã/phường/thị trấn nơi thí sinh thường trú cấp. b) Bản sao danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân cấp tỉnh, cấp bộ trở lên; hoặc Bằng lao động sáng tạo (có quyết định kèm theo). c) Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng. d) Bản sao văn bằng trung cấp Được; Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng.

